TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03-01-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Công Tâm; Ông Đoàn Kim Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1.1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh N, sinh năm: 2000; địa chỉ: 2 ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

1.2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1993; địa chỉ: 9 ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn xin giải quyết vắng mặt, biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh N trình bày:

+ Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Tấn T quen biết và tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/6/2020. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông T, không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ Về con: Bà và ông T có một người con chung là Nguyễn Tấn K, sinh ngày 04/8/2023. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, yêu

cầu ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản: Không có.

+ Về nợ: Không có.

- Bị đơn là ông Nguyễn Tấn T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của ông có liên quan đến vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Thẩm phán thụ lý, giải quyết, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử:

• Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thanh N đối với ông Nguyễn Tấn T.

• Về con: Giao cho bà N được quyền trực tiếp nuôi người con chung là Nguyễn Tấn K, sinh ngày 04/8/2023, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Tấn K, sinh ngày 04/8/2023 tròn 18 tuổi.

• Về tài sản, về nợ: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thanh N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con"* với ông Nguyễn Tấn T có địa chỉ tại 9 ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là ông Nguyễn Tấn T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời bà N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bà N, ông T là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Việc kết hôn giữa bà N và ông T là phù hợp với quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận vào bảo vệ. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy trong thời gian chung sống giữa bà N và ông T đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay mà không thể hàn gắn được. Bên cạnh đó, dù đã được triệu

tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng ông T vẫn vắng mặt, trong khi bà N vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà N về việc ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con: Bà N yêu cầu được nuôi người con chung giữa bà với ông T là Nguyễn Tấn K, sinh ngày 04/8/2023. Xét thấy, người con này hiện dưới 36 tháng tuổi, bản thân bà N đang là người trực tiếp nuôi con, ông T vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản có yêu cầu gì liên quan đến việc nuôi con; do vậy cần chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình thì từ khi ly hôn, cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con chưa thành niên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do vậy để bảo đảm việc chăm sóc cho người con, cần buộc ông T cấp dưỡng nuôi con theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, với mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi Nguyễn Tấn K, sinh ngày 04/8/2023 tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về việc cấp dưỡng, về tài sản, về nợ: Ông T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của ông có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản, về nợ; bà N không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, xác định là không có tài sản và không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[7.1] Bà Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[7.2] Ông Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

[1] *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thanh N được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

[2] *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:*

- Giao cho bà Nguyễn Thanh N được quyền trực tiếp nuôi người con chung giữa bà và ông Nguyễn Tấn T là Nguyễn Tấn K, sinh ngày 04/8/2023. Ông Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi người con chung (Nguyễn Tấn K, sinh ngày 04/8/2023) tròn 18 tuổi.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp muôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Vì lợi ích của con chung, bà Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Tấn T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Khi có lý do chính đáng, bà Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Tấn T có thể thỏa thuận giải quyết việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về việc cấp dưỡng, về tài sản, về nợ:* Ông Nguyễn Tấn T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của ông có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản, về nợ; bà Nguyễn Thanh N không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, xác định là không có tài sản và không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

[4.1] Bà Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003394 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; bà Nguyễn Thanh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Ông Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:* Bà Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Tấn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[6] *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Bà Nguyễn Thanh N(01 bản);
- Ông Nguyễn Tấn T(01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền